

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh L, sinh năm 1985;

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 58, tổ 24, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5B, khu phố 6, đường H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 58, tổ 24, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị L và anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Quang T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005 ngày 17/6/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại số nhà 58, tổ 24, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ. Quá trình chung sống bình thường, đến năm 2008 thì chị phát hiện anh T ngoại tình. Sau đó vợ chồng xảy ra cãi vã, anh T đã đánh chị. Tháng 12/2008, chị cũng đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án huyện Vĩnh Cửu, Tòa án đã thụ lý vụ án và đã mời vợ chồng chị lên làm việc 02 lần. Sau đó chị đồng ý hàn gắn với anh T và rút đơn khởi kiện. Đến ngày 08/3/2009, anh T tiếp tục đi ngoại tình, chị bắt gặp được anh T mua điện thoại tặng cho người phụ nữ khác thông qua hóa đơn mua điện thoại. Đến khoảng năm 2010, chị theo dõi và lại tiếp tục phát hiện anh T chở người phụ nữ khác và đi thuê phòng trọ ở chung, nhưng do thời điểm đó chị chưa có điện thoại để chụp hình nên nay không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Khoảng năm 2014-2015, chị phát hiện điện thoại anh T có tin nhắn với một người phụ nữ và nội dung tin nhắn tình tứ, anh T vẫn tiếp tục ngoại tình với người phụ nữ khác. Sau đó chị gặp trực tiếp người phụ nữ đó nói chuyện thì người phụ nữ đó thừa nhận có quan hệ ngoại tình với anh T. Trong quá trình chung sống, anh T có đánh chị nhiều lần, lần gần nhất là vào tháng 12/2020. Vợ chồng có xảy ra xung đột, cãi vã, do chị nhìn anh T để giữ gìn cuộc sống gia đình và chị không muốn để các con biết cha mẹ xung đột, cãi vã. Chị đã nhiều lần tha thứ, nhường nhịn anh T và bỏ qua cho anh T để vợ chồng hàn gắn, tiếp tục chung sống để nuôi con. Nhưng anh T vẫn không sửa đổi, chị không thể tiếp tục nhường nhịn và chịu đựng anh T được nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau được 06 tháng nay, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là Đỗ Lê T1 D, sinh ngày 16/6/2007 và Đỗ Trọng T1, sinh ngày 02/11/2009. Hiện nay cả 02 con chung đang ở với anh T. Theo đơn khởi kiện chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng. Ngày 13/01/2021 chị thay đổi ý kiến, chị đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Quang T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thanh L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005 ngày 17/6/2005, sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chung sống tại số nhà 58, tổ 24, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ từ năm 2005.

Theo anh T quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Chị L làm đơn khởi kiện ly hôn với anh là do chị L muốn và tự làm đơn ly hôn, tự chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn. Năm 2007, trong lúc anh không tìm được anh có đánh chị L 01 lần, nhưng không phải đánh thậm tệ. Trong cuộc sống vợ chồng có khi xảy ra tranh luận, theo anh đó là tranh luận chứ không phải cãi nhau, chửi bới nhau. Anh nghi ngờ vợ anh có ngoại tình nhưng anh không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh ý kiến của mình cho Tòa án. Vợ chồng anh hiện nay không còn sống chung với nhau, chị L đã tự bỏ ra ngoài ở riêng đã được hơn 06 tháng nay, không xin phép anh. Chị L nói chị về nhà bố mẹ ruột để ở nhưng khi anh tìm hiểu ra thì chị L không phải về nhà bố mẹ ruột ở mà về thuê phòng trọ ở gần nhà bố mẹ ruột. Từ lúc chị L nộp đơn ly hôn đến Tòa án và sống ly thân với anh đến nay, anh cũng có nói chuyện với chị L và gia đình bố mẹ chị L để vợ chồng hòa giải, hàn gắn nhưng chị L vẫn không đồng ý về chung sống lại. Vợ chồng anh vẫn chưa tìm được tiếng nói chung để hàn gắn, đoàn tụ. Việc chị L trình bày anh ngoại tình nhưng chị L không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc anh ngoại tình nên anh đề nghị Tòa án không chấp nhận ý kiến này của chị L.

Ngày 13/01/2021 tại buổi hòa giải anh T đồng ý ly hôn với chị, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn. Đến ngày 15/01/2021 anh T thay đổi ý kiến cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn với chị L nữa. Tại phiên tòa anh T thừa nhận vợ chồng anh không hàn gắn được và anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Đỗ Lê T1 D, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Đỗ Trọng T1, sinh ngày 02/11/2009. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với anh, ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh T có nêu ý kiến yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 4.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, do chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu này của anh T nên anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày vợ chồng anh còn nợ của ông Lê Tôn Q, sinh năm 1957 và bà Nguyện Thị H, sinh năm 1960 (là bố mẹ của chị L) số tiền 80.000.000đồng là tiền mua đất còn thiếu. Sau khi Tòa án làm việc với ông Q, bà H xác định vợ chồng anh T, chị L không nợ tiền của ông Q, bà H, anh T thống nhất nội dung này. Tại phiên tòa anh T xác định vợ chồng anh không có nợ chung.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị L nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Lê T1 D, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Đỗ Trọng T1, sinh ngày 02/11/2009. Chị L và anh T thống giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đỗ Quang T cư trú tại địa chỉ: Số nhà 58, tổ 24, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị Lê Thanh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T xảy ra từ khoảng cuối năm 2008 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Trong quá trình chung sống vào năm 2009 chị L đã 01 lần nộp đơn xin ly hôn với anh T sau đó chị L rút đơn để vợ chồng hàn gắn với nhau. Từ đó đến nay vợ chồng chị L và anh T vẫn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định giữa chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau nữa.

Tại phiên tòa anh T thừa nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn, chị L xin ly hôn thì anh đồng ý.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Lê T1 D, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Đỗ Trọng T1, sinh ngày 02/11/2009. Ly hôn hai bên đều thống nhất giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu D và cháu T1 muốn sống chung cùng anh T.

Do đó, cần giao cháu D và cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Chị L được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T có bản ý kiến trình bày vợ chồng anh còn nợ của ông Lê Tôn Q, sinh năm 1957 và bà Ngụy Thị H, sinh năm 1960 số tiền 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng).

Qua làm việc với ông Lê Tôn Q, sinh năm 1957 và bà Ngụy Thị H, sinh năm 1960 thì cả hai ông, bà xác định chị L và anh T không có nợ tiền ông, bà. Việc anh T trình bày vợ chồng anh T nợ tiền ông, bà là không đúng; ông, bà không liên quan vụ án đề nghị Tòa án không đưa tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa chị L và anh T đều xác định hai vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh L được ly hôn anh Đỗ Quang T.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đỗ Lê T1 D, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Đỗ Trọng T1, sinh ngày 02/11/2009 cho anh Đỗ Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thanh L phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004801 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại